

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 611/2019/HC-PT

Ngày 30-8-2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định
giải quyết khiếu nại trong lĩnh
vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn.

Bà Trần Thị Huyền Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2019/TLPT-HC ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1680/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1963 (vắng mặt),

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (có mặt),

Cùng địa chỉ: AC, xã AT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Nguyễn Thị H (theo giấy ủy quyền lập ngày 07/8/2019- có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (vắng mặt – xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950 (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Thành Ng, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp RT, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Anh Nguyễn Thành Ng (theo giấy ủy quyền ngày 01/02/2018- vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện - ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 0,60ha (đo đạc hiện trạng là 6.002,2m²) tọa lạc tại ấp RT, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh là của cố Trần Văn Đ (cố Đ và cố Trần Văn Cầm là anh em ruột - cố Cầm là ông nội ông K) cho vợ chồng ông K, bà H vào khoảng năm 1989-1990, ông bà trực tiếp quản lý sử dụng cho đến nay. Năm 2005, ông bà được UBND huyện GD cấp 12 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 7.465m² tọa lạc tại ấp RT, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; trong đó có 6.002,2m².

Ngày 12/10/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2311/QĐ-UBND buộc ông bà trả cho bà H1 là không đúng. Vì vậy, ông bà yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 2311/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh với các lý do:

Thứ nhất, giữa bà H1 và cụ B tranh chấp đất không liên quan gì đến ông bà nhưng Quyết định số 2311/QĐ-UBND lại buộc vợ chồng ông bà phải trả cho bà H1 6.002,2m² là không đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cố Đ cho vợ chồng ông bà không phải của cụ B.

Thứ hai, Quyết định số 2311/QĐ-UBND được ban hành không đúng theo quy định của pháp luật. Diện tích 6.002,2m² đã được UBND huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà theo đúng qui định của pháp luật. Do đó, nếu có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, không phải thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh cung cấp Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh điều chỉnh Quyết định số 2311/QĐ-UBND có nội dung là buộc vợ chồng ông bà giao trả cho ông L (chồng bà H1) và anh Ng (con bà H1) diện tích đất 6.002,2 m² (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo). Xét về nội dung thì Quyết định số 89/QĐ-UBND và Quyết định số 2311/QĐ-UBND không thay đổi nên vợ chồng bà yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 89/QĐ-UBND và Quyết định số 2311/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Người bị kiện, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh trình bày:

Việc tranh chấp đất đai giữa cụ B và bà H1 đã được giải quyết năm 1998

bằng Quyết định số 37/QĐ-UB của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, theo đó cụ B phải giao trả cho bà H1 0,6ha. Nhưng do Quyết định 37/QĐ-UB có sai sót về tư cần nên Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 2311/QĐ-UBND để điều chỉnh lại nhưng không thay đổi về bản chất và quan điểm giải quyết.

Sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giữa người khởi kiện là ông K, bà H với người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh thì Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đã xem xét lại Quyết định số 2311/QĐ-UBND có phần nội dung ghi về tứ cận đất giao cho bà H1 không đúng với thực tế, hơn nữa bà H1 đã chết nên cần giao cho người thừa kế ở hàng thứ nhất của bà H1 là phù hợp. Vì vậy, ngày 14/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 2311/QĐ-UBND có nội dung: Công nhận Quyết định số 901/QĐ-UB của Chủ tịch UBND huyện GD về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà H1 với cụ B; Buộc ông K (con cụ Trần văn B) và bà H (con dâu cụ Trần văn B) giao trả cho ông Nguyễn Thành L (là chồng của bà H1) và anh Nguyễn Thành Ng (con ruột bà H1) là những người thừa kế của bà H1 phần đất có diện tích 6002,2 m² tọa lạc tại ấp RT, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 102/SĐ-HT ngày 06/8.2015 kèm theo).

Do vậy, những sai sót của Quyết định số 2311/QĐ-UBND đã được Quyết định số 89/QĐ-UBND khắc phục. Riêng tại Điều 3 của Quyết định số 89/QĐ-UBND ghi bà H1 thi hành quyết định là không đúng vì bà H1 đã chết ngày 23/10/2015, việc này Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh đã có Báo cáo số 393/BC-STNMT ngày 21/01/2019 kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đình chính cho phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Thành Ng trình bày: Ông L là chồng bà H1, anh Ng là con duy nhất của bà H1 và ông L. bà H1 đã chết ngày 23/10/2015. Ông L, anh Ng không đồng ý với việc khởi kiện của bà H, ông K vì Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh giải quyết tranh chấp đất giữa bà H1 và cụ B đã có hiệu lực. Quyết định số 2311/QĐ-UBND và Quyết định số 89/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh chỉ điều chỉnh về tứ cận phần đất được giao cho đúng hiện trạng thực tế chứ không phải quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, bà H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 và Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/01/2019, người khởi kiện, ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông K và bà H giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 2311/QĐ-UBND và Quyết định 89/QĐ-UBND, đồng thời tuyên hủy các Quyết định 901/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện GD và Quyết định 37/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Xác định diện tích 6.002,2m² có nguồn gốc của cổ Trần Văn Đ cho ông K, bà H. Việc cho không lập thành văn bản. Trước khi cho thì cổ Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng là người sử dụng đất và đã đăng ký đất đai tại xã TP đối với diện tích trên nhưng không cung cấp được chứng cứ cổ Đ đã đăng ký đất đai. Diện tích đất trên được UBND huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 nhưng sau đó đã bị thu hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Quyết định 2311/QĐ-UBND có nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định 37/QĐ-UBND, Quyết định 89/QĐ-UBND có nội dung sửa đổi Quyết định 2311/QĐ-UBND. Mặc dù, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi nhiều lần nhưng về thủ tục, thẩm quyền là đúng pháp luật. Về nội dung, ông K, bà H cho rằng nguồn gốc đất 6002,2m² do được cổ Đ cho nhưng không có căn cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông K, bà H là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông K, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Ông K, bà H kháng cáo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà H yêu cầu hủy các Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 và Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. Các quyết định hành chính nêu trên có liên quan đến Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 30/3/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 17/12/1994 của UBND huyện GD. Vì vậy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng xem xét các

Quyết định số 37/QĐ-UBND và Quyết định số 901/QĐ-UBND. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét 02 quyết định này là có thiếu sót.

[3] Xét các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

[3.1.1] Ngày 17/12/1994, UBND huyện GD ban hành Quyết định số 901/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị H1 với cụ Trần văn B. Ngày 30/3/1998, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 37/QĐ-CT, có nội dung công nhận Quyết định số 901/QĐ-UB. Như vậy, việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà H1 với cụ B là đúng quy định tại Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 1989 và 2003; Điều 21 Luật Đất đai năm 1987 và Điều 38 Luật Đất đai năm 1993. Lẽ ra, việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa cụ B và bà H1 phải giải quyết bằng quyết định của Chủ tịch UBND huyện GD. Việc UBND huyện GD ban hành Quyết định số 901/QĐ-UB là không đúng về hình thức nhưng đúng về nội dung và vi phạm trên không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[3.1.2] Ngày 12/10/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2311/QĐ-UBND điều chỉnh một phần Quyết định số 37/QĐ-CT về tứ cận phần đất cụ B tranh chấp với bà H1. Ngày 14/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND điều chỉnh một phần Quyết định số 2311/QĐ-UBND. Do vậy, Quyết định số 2311/QĐ-UBND và Quyết định số 89/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh được ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012 ngày 03/10/2012 của Chính phủ và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thành tra Chính phủ.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Ngày 24/3/2005, UBND huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và ông K, diện tích 7.465m², trong đó có cả diện tích 6.002,2m² thuộc quyền sử dụng của bà H1 theo Quyết định số 901/QĐ-UBND và Quyết định số 37/QĐ-UBND. Do xác định việc cấp giấy trên là không đúng qui định tại Điều 49, 50 Luật Đất đai năm 2003 nên ngày 14/11/2017 UBND huyện GD ban hành Quyết định số: 5087/QĐ-UBND, có nội dung hủy bỏ 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 6.002,2m²) đã cấp cho ông K và bà H.

[3.2.2] Ông K và bà H cho rằng 6.002,2m² có nguồn gốc của cổ Đ cho vào năm 1989 nhưng không có chứng cứ chứng minh.

[3.2.3] Tại Quyết định số 37/QĐ-UB ngày 30/3/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc công nhận Quyết định số 901/QĐ-UBND, có nội dung: Công nhận diện tích 0,60ha tọa lạc tại ấp RT, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng của bà H1. Sau khi nhận được Quyết định số 37/QĐ-UB, cụ B không có khiếu nại nên quyết định trên đã có hiệu lực thi hành.

[3.2.4] Do vị trí thửa đất nêu tại Quyết định số 37/QĐ-UB không chính

xác, không thể thi hành trong thực tế nên theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện GD, ngày 12/10/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2311/QĐ-UBND điều chỉnh vị trí tứ cận phần đất cụ B tranh chấp với bà H1 trước đó. Tuy nhiên, Quyết định số 2311/QĐ-UBND xác định vị trí tứ cận phần đất tranh chấp cũng không đúng với thực tế nên ngày 14/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 89/QĐ-UBND, có nội dung chính là: Buộc ông K (con cụ B) và bà H (con dâu cụ B) giao trả cho ông Nguyễn Thành L (là chồng của bà H1) và anh Nguyễn Thành Ng (con ruột bà H1) là những người thừa kế của bà H1 phần đất có diện tích 6002,2m² tọa lạc tại ấp RT, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 102/SĐ-HT ngày 06-8-2015 kèm theo). Như vậy, Quyết định số 2311/QĐ-UBND và Quyết định số 89/QĐ-UBND không phải là quyết định hành chính giải quyết tranh chấp đất đai. Mặc dù, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh nhiều lần sửa đổi nội dung quyết định đã ban hành nhưng đây là thủ tục hành chính đúng pháp luật và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K, bà H.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông K, bà H là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, ông K, bà H cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, bác kháng cáo của ông K, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông K, bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012 ngày 03/10/2012 của Chính phủ và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thành tra Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 24/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy:

- Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 37/QĐ-CT ngày 30/3/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị H1 với ông Trần Văn B.

- Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 12/10/2015.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.000.000 đồng và đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1 *Án phí sơ thẩm*: Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000035 ngày 14/10/2016 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh, ông K và bà H còn phải nộp 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

5.2 *Án phí phúc thẩm*: Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0000824, 0000825 ngày 30/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ông K, bà H đã nộp đủ.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 30 tháng 8 năm 2019)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (1)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Đương sự (5)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. 10 (NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương